TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45/**2024/DSST
Ngày: 15/7/2024
V/v: Tranh chấp về tài sản – quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Đức Hòa;
2/ Bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong các ngày 07 đến ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về tài sản – Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST – DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Ngọc Ph, sinh năm 1952
Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu Minh Nh, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Đặng Ngọc S, sinh năm 1990
Anh Đặng Ngọc H, sinh năm: 1992
Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Bà Trần Thị B, sinh năm: 1957
2/ Anh Đặng Ngọc T, sinh năm: 1982
3/ Chị Đặng Thị Thu Th, sinh năm: 1986
4/ Chị Đặng Thị Thu Th1, sinh năm: 1988
Cùng cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
5/ Chị Đặng Thị Hồng H, sinh năm: 1995

Nơi cư trú: thôn 3, xã Ngh 1, huyện B, tỉnh Bình Phước

6/ Chị Đặng Thị Kiều Ng, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số nhà 299, ấp Đ, xã Nh, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang

7/ Chị Đặng Thị Phương L, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B, anh Đặng Ngọc T và Đặng Thị Thu Th có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023 của ông Đặng Ngọc Ph và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Hữu Minh Nh trình bày:

Năm 1995 vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B có mua của ông Điểu C diện tích đất ở nông thôn 1636m² tọa lạc tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước để làm nhà ở. Đến năm 2004 vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số: 1061/QSDĐ đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph, thửa đất số 15, tờ bản đồ 05 với diện tích 1.636m² (trong đó có 400m² đất thổ cư và 1.236m² đất LN) tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh 1 (nay là thôn B, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước. Hộ gia đình có trong sổ hộ khẩu gồm các thành viên trong gia đình cụ thể: Cha Đặng Ngọc Ph, mẹ Trần Thị B và các con: Đặng Ngọc T, Đặng Thị Thu Th, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc H và Đặng Thị Hồng H. Do gia đình đông con kinh tế gặp nhiều khó khăn nên vào ngày 02/04/2014 vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Ch và bà Trần Thị L diện tích đất 630,7m², trong đó có 100m² ONT. Diện tích chuyển nhượng này nằm một phần trong diện tích 1.636m² thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ 05 trong giấy chứng nhận QSDĐ số: 1061/ QSDĐ đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph ký ngày 22/6/2004.

Hiện nay vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B bệnh đau, kinh tế khó khăn không có tiền để chữa bệnh nên có ý định chuyển nhượng một phần diện tích đất còn lại lấy tiền mua thuốc men. Tất cả các con của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B đều thừa nhận dây là đất của vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B nhưng riêng có hai con trai là Đặng Ngọc S và Đặng Ngọc H không thừa nhận và đồng thời không chịu ký vào hồ sơ cho ông bà chuyển nhượng cho người khác. Hiện tại các con của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B đã có gia đình ra ở riêng, vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B gặp kinh tế khó khăn, bệnh đau không có tiền để chạy chữa bệnh, các con không ai chăm sóc. Ngoài ra để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các thành viên trong gia đình không xảy ra tranh chấp tài sản chung của hộ gia đình về sau nên ông Đặng Ngọc Ph có đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện B xem xét giải quyết: Công nhận diện tích đất 1005,3m² (Trong đó có 300m² đất thổ cư), thửa đất số 15, tờ bản đồ

05 đất tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh 1, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước) đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 1061/ QSDĐ đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph ký ngày 22/6/2004 là tài sản chung hai vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B; Yêu cầu tính công sức đóng góp của 06 người con đối với diện tích đất 1005,3m² trong gia đình gồm cụ thể: Đặng Ngọc T, Đặng Thị Thu Th, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc H và Đặng Thị Hồng H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có nguyện vọng tự thương lượng, thỏa thuận nên xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính công sức đóng góp của 06 thành viên trong gia đình.

Bị đơn anh Đặng Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Ngọc H trình bày: Anh là con của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. Đối với nguồn gốc của diện tích 1.636 m² thuộc thửa đất số 15, đồ bản đồ số 5 tọa lạc tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên Đặng Ngọc Ph anh không được biết rõ mà chỉ nghe kể lại. Anh lập gia đình vào năm 2013. Anh không có đóng góp công sức, tiền bạc đối với tài sản nói trên. Đối với ý kiến chia tài sản của ông Đặng Ngọc Ph, anh không có ý kiến gì tùy ông Đặng Ngọc Ph định đoạt và quyết định. Đối với tài sản nói trên thì anh không có yêu cầu Tòa án chia một phần tài sản và không yêu Toà án tính công sức đóng góp và anh không có yêu cầu phản tố nào khác.

Bị đơn anh Đặng Ngọc S đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: bà và ông Đặng Ngọc Ph là vợ chồng. Vợ chồng bà sinh sống ngoài Huế, đến cuối năm 1994 đầu năm 1995 thì vào Nam sinh sống và nhận chuyển nhượng đất để canh tác. Diện tích đất này là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng từ năm 1995 của ông Điểu C. Giá nhận chuyển nhượng đất của ông Điểu C là 2,5 chỉ vàng, trong đó vợ chồng bà đi làm thuê cho ông Điểu C trừ vào số tiền nhận chuyển nhượng đất là 1,5 chỉ vàng và vợ chồng bà đưa 01 chỉ vàng cho ông Điểu C.

Khi nhận chuyển nhượng đất thì đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Tại thời điểm chuyển nhượng thì đất trắng và có cỏ tranh, lồ ô. Khi được bàn giao đất thì vợ chồng bà tiến hành trồng cây điều (sau này thì bỏ cây điều và năm 2021 trồng một số cây bơ) và trong năm 1995 tiến hành dựng căn tranh và một nửa là gỗ tạp. Đến năm 2006, UBND xã Ngh1 có cho vợ chồng bà 06 triệu để xây dựng nhà đoàn kết nên vợ chồng bà tiến hành xây bao tường (ở chân), phía trên thì làm gỗ tạp và sinh sống cho đến nay. Năm 2004 thì vợ chồng bà thực hiện thủ tục cấp giấy CNQSDĐ và được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ số 1061/QSDĐ ký ngày 22/6/2004 đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph với diện tích đất được cấp là 1.636m² thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5. Sau khi sử dụng 1 thời gian thì vợ chồng bà có chuyển nhượng cho ông Huỳnh Ch và bà Trần Thị L diện tích đất 630,7m², còn lại diện tích đất 1005,3m² thì vợ chồng bà quản lý, sử dụng và có tứ cận như sau: Một mặt giáp đường, mặt sau giáp đất ông Huỳnh Ch (có bức tường

xây do vợ chồng bà xây dựng làm ranh), một bên giáp đất ông Lê Xuân N (có hàng rào bằng B40 làm ranh do ông Lê Xuân N rào), một mặt giáp đất bà T (có hàng rào bằng B40 làm ranh). Quá trình sử dụng không có tranh chấp ranh giới với các hộ lân cận.

Vợ chồng ông bà có 08 đứa con gồm: Đặng Thị Phương L, sinh năm: 1977; Đặng Thị Kiều Ng sinh năm 1979; Đặng Ngọc T sinh năm: 1982; Đặng Thị Thu Th sinh năm: 1986; Đặng Thị Thu Th1 sinh năm: 1987; Đặng Ngọc S sinh năm 1990; Đặng Ngọc H sinh năm 1992 và Đặng Thị Hồng H sinh năm 1995. Khi vợ chồng bà vào Bình Phước sinh sống thì chị Đặng Thị Phương L có ở chung với vợ chồng mấy tháng thì lập gia đình. Năm 1996 thì chị Đặng Thị Kiều Ng lập gia đình. Còn 06 người con còn lại thì chung sống với chúng tôi và đều được vợ chồng bà có cho 05 người con còn lại đi học, trong đó Đặng Thị Thu Th học đến lớp 7, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc H và Đặng Thị Hồng H đều học đến lớp 9 thì nghỉ. Còn Đặng Ngọc T thì nghỉ học từ ngoài Huế.

Đối với tài sản nói trên thì các con không có phụ giúp gì vì sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được mấy tháng thì chị Đặng Thị Phương L, chị Đặng Thị Kiều Ng đã lập gia đình. Còn Đặng Thị Thu Th, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc S, Đặng Ngọc H và Đặng Thị Hồng H thì đi học không phụ giúp được gì. Chỉ có Đặng Ngọc T thì có đi theo vợ chồng bà phụ giúp các công việc lặt vặt trong gia đình. Do đó, bà xác định tài sản nói trên là tài sản chung của vợ chồng và bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Ph. Đồng thời, mặc dù là tài sản chung của bà và ông Đặng Ngọc Ph, nhưng đối với cháu T, cháu Th, cháu Th, cháu S, cháu H và cháu H là con của vợ chồng bà nên bà cũng đồng ý chia đều tài sản này cho các con, mỗi người 01 phần và hai vợ chồng bà cũng mỗi người 01 phần.

Tại phiên tòa, bà nhất trí với ý kiến của nguyên đơn và không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Ngọc T trình bày: Anh là con ruột của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. Nguồn gốc của diện tích đất 1636m^2 tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước là do ông bà từ Huế đi vào Bình Phước sinh sống rồi nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông Điểu C, ngoài ra khai phá rộng ra thêm 01 ít. Trên đất có chỉ 01 căn nhà ở dưới chân xây tường, phía trên thì gỗ tạp. Khi bố mẹ anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì anh còn nhỏ không có góp tiền bạc và không có đóng góp công sức gì. Đến năm 2002 thì anh lập gia đình và ở riêng với ông bà từ đó cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Ph về việc công nhận diện tích đất được cấp là 1005,3m^2 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5 là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B, anh đồng ý vì đây vốn là tài sản của ông bà và anh không có yêu cầu chia cho anh một phần tài sản cũng như tính cho anh một phần công sức đóng góp. Trường hợp ông Đặng Ngọc Ph chia tài sản cho các thành viên trong gia đình, anh không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu Th trình bày: Chị là con ruột của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. Nguồn gốc của diện tích đất 1636m^2 tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước chị không biết rõ mà chỉ nghe kể lại là do bố mẹ nhận chuyển nhượng. Hiện nay, trên đất có chỉ 01 căn nhà ở dưới chân xây tường, phía trên thì gỗ tạp. Khi bố mẹ chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì chị còn nhỏ không có góp tiền bạc và không có đóng góp công sức gì. Đến năm 2007 thì chị lập gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Ph về việc công nhận diện tích đất được cấp là 1005,3m^2 thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5 là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B, chị đồng ý và chị không có yêu cầu chia cho chị một phần tài sản cũng như tính cho chị một phần công sức đóng góp. Trường hợp ông Đặng Ngọc Ph chia tài sản cho các thành viên trong gia đình, chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Kiều Ng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị Kiều Ng trình bày: Chị là con ruột của ông Đặng Ngọc Ph và Trần Thị B. Nguồn gốc của diện tích đất 1.636m^2 tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước là do ông Đặng Ngọc Ph và Trần Thị B nhận chuyển nhượng của ông Điểu C, sau đó khai phá rộng ra thêm 01 ít. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì hiện trạng đất là đất rừng lồ ô, không có tài sản gì nên chị (thời gian đó chị khoảng 16 đến 17 tuổi), chị Đặng Thị Phương L, Đặng Ngọc T phụ giúp ông Đặng Ngọc Ph phát dọn. Còn bà Trần Thị B thì chăm sóc mấy đứa nhỏ. Nguồn gốc của số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do chị có cùng bố mẹ đi làm thuê, người chủ trả tiền cho bố mẹ chị và bố mẹ chị lấy tiền đó để đi mua diện tích đất nói trên và chị có phụ giúp việc phát dọn. Khi sống chung với cùng với bố mẹ thì chị có đưa tiền cho bố mẹ để lo cho gia đình. Đến khi chị 23 tuổi thì lập gia đình và ở riêng với ông bà từ đó cho đến nay. Diện tích đất nói trên là tài sản chung của bố mẹ chị với chị Lâm, Tân và chị. Chị và bố mẹ chị tự thỏa thuận với nhau đối với việc chia tài sản cũng như tính công sức đóng góp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ông Đặng Ngọc Ph chia tài sản cho các thành viên khác trong gia đình, chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu Th1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị Thu Th1 trình bày: Chị là con gái của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B. Đối với nguồn gốc của diện tích đất 1636m² thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ 5 tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B chị không được biết rõ mà chỉ được nghe kể lại. Chị lập gia đình từ năm 2010. Chị không có đóng góp công sức, tiền bạc đối với tài sản nói trên. Nay ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B có việc phải chuyển nhượng đất để lấy tiền sinh sống nhưng Đặng Ngọc S và Đặng Ngọc H không đồng ý việc chuyển nhượng này và xảy ra tranh chấp. Hiện nay, ông Đặng Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất nói trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà

Trần Thị B, chị đồng ý. Đối với yêu cầu chia tài sản của ông Đặng Ngọc Ph, chị không có ý kiến gì tùy ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B định đoạt, quyết định. Đối với tài sản nói trên thì chị không có yêu cầu Tòa án chia một phần tài sản và không yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp, chị không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị Hồng H trình bày: Chị là con gái của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B. Đối với nguồn gốc của diện tích đất 1636m² thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ 5 tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B chị không được biết rõ mà chỉ được nghe kể lại. Chị lập gia đình từ năm 2015. Chị không có đóng góp công sức, tiền bạc đối với tài sản nói trên. Nay ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B có việc phải chuyển nhượng đất để lấy tiền sinh sống nhưng Đặng Ngọc S và Đặng Ngọc H không đồng ý việc chuyển nhượng này và xảy ra tranh chấp. Hiện nay, ông Đặng Ngọc Ph khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất nói trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B, chị đồng ý. Đối với yêu cầu chia tài sản của ông Đặng Ngọc Ph, chị không có ý kiến gì tùy ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B định đoạt, quyết định. Đối với tài sản nói trên thì chị không có yêu cầu Tòa án chia một phần tài sản và không yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp, chị không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Phương L đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, các con của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B gồm chị Đặng Thị Thu Th, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc H đều thừa nhận diện tích đất trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. Chị Đặng Thị Thu Th, Đặng Thị Thu Th1, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc H đều thừa nhận không có đóng góp công sức trong việc tạo lập, phát triển tài sản và không yêu cầu tính công sức đóng góp đối với tài sản nói trên. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận diện tích đất trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và vợ Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Ngọc S (là bị đơn) và chị Đặng Thị Phương L (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

lần thứ 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Anh Đặng Ngọc H (là bị đơn) và chị Đặng Thị Thu Th1, Đặng Thị Hồng H và Đặng Thị Kiều Ng (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc H, chị Đặng Thị Phương L, chị Đặng Thị Thu Th1, chị Đặng Thị Hồng H và chị Đặng Thị Kiều Ng.

[2] Xét: ông Đặng Ngọc Ph (là nguyên đơn) khởi kiện anh Đặng Ngọc H, anh Đặng Ngọc S yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất 1.005,3m^2 và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng ông bà và yêu cầu tính công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về tài sản – quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất". Anh Đặng Ngọc H, anh Đặng Ngọc S cư trú tại thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về công nhận quyền sử dụng đất 1.005,3m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B:

[3.1] Xét nguồn gốc xác lập tài sản: Ông Đặng Ngọc Ph khai nhận vào năm 1995 vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Điểu C với diện tích đất 1.636m^2 tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh1 (nay là thôn B, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Đến năm 2004 thì UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ số 1061/QSDĐ cấp ngày 22/6/2004 đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph với diện tích đất 1.636m^2 (trong đó có 400m^2 đất thổ cư) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5. Lời khai của ông Đặng Ngọc Ph phù hợp với lời khai của bà Trần Thị B và anh Đặng Ngọc T. Đến năm 2014 thì ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B đã chuyển nhượng diện tích đất 630,7m^2 (trong đó, có 100m^2 ONT) cho ông Huỳnh Ch, bà Trần Thị L nên hiện nay ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại là 1.005,3m^2. Do đó, có đủ cơ sở xác định diện tích đất 1.005,3m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh1 (nay là thôn B, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước là do nhận chuyển nhượng mà có.

[3.1] Xét công sức đóng góp của các thành viên trong hộ gia đình ông Đặng Ngọc Ph cho việc nhận chuyển nhượng, trồng trọt, tôn tạo tài sản:

Ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B khai nhận nguồn gốc của diện tích đất do nhận chuyển nhượng năm 1995. Tại thời điểm chuyển nhượng là đất trắng chỉ có lồ ô, cỏ tranh. Sau khi nhận đất thì ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B phát dọn và trồng cây điều (sau này thì chặt bỏ cây điều và năm 2021 trồng một vài cây ăn trái) và trong năm 1995 thì dựng căn nhà tranh và nứa, gỗ tạp để sinh sống. Đến năm 2006 thì xây bao chân tường bằng gạch, phía trên là gỗ tạp. Xét, tại khoản 1

Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên và những tài sản khác được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan"*. Ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B khai nhận ông bà có 08 người con gồm có: Đặng Thị Phương L, sinh năm: 1977; Đặng Thị Kiều Ng sinh năm 1979; Đặng Ngọc T sinh năm: 1982; Đặng Thị Thu Th sinh năm: 1986; Đặng Thị Thu Th1 sinh năm: 1987; Đặng Ngọc S sinh năm 1990, Đặng Ngọc H sinh năm 1992 và Đặng Thị Hồng H sinh năm 1995. Như vậy, chị Đặng Thị Phương L, chị Đặng Thị Kiều Ng, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Thu Th, chị Đặng Thị Thu Th1, anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc H và chị Đặng Thị Hồng H có quan hệ huyết thống với ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận chuyển nhượng QSDĐ (năm 1995) thì anh Đặng Ngọc T 13 tuổi, chị Đặng Thị Thu Th 09 tuổi, anh Đặng Ngọc S 05 tuổi, anh Đặng Ngọc H 03 tuổi, chị Đặng Thị Hồng H vừa mới sinh ra. Tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ thì chị Đặng Thị Thu Th 17 tuổi, anh Đặng Ngọc S 14 tuổi, anh Đặng Ngọc H 12 tuổi, chị Đặng Thị Hồng H 09 tuổi. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án (bl số 29) bà Trần Thị B khai nhận từ khi đến tuổi đi học thì chị Đặng Thị Thu Th, anh Đặng Ngọc H, chị Đặng Thị Hồng H, anh Đặng Ngọc S được ông bà cho đi học đến lớp 9 (trừ Đặng Thị Thu Th học đến lớp 7). Lời khai của bà Trần Thị B phù hợp với lời khai của chị Đặng Thị Thu Th. Như vậy, tính đến thời điểm nhận chuyển nhượng diện tích đất nói trên (năm 1995) và thời điểm UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ vào năm 2004 thì anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc H, chị Đặng Thị Thu Th và chị Đặng Thị Hồng H còn nhỏ tuổi, không thể tham gia lao động, sản xuất, không đóng góp công sức, tiền bạc trong việc tạo lập, duy trì tài sản nói trên.

Đối với chị Đặng Thị Phương L, anh Đặng Ngọc T và chị Đặng Thị Kiều Ng: Quá trình giải quyết vụ án (bl số 45) chị Đặng Thị Kiều Ng khai nhận chị có đóng góp tiền bạc do chị làm thuê mà có trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có đóng góp vào việc khai phá, phát dọn diện tích đất nhận chuyển nhượng và trong thời gian từ năm 16 tuổi, 17 tuổi đến năm chị 23 tuổi (chị lập gia đình) chị sống cùng bố mẹ (ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B) và có phụ tiền với bố mẹ để lo cho gia đình. Ngoài ra, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Phương L có phụ giúp khai phá, phát dọn phần đất nhận chuyển nhượng nên chị khai nhận diện tích đất nói trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Phương L và chị Đặng Thị Kiều Ng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đặng Ngọc T khai nhận khi bố mẹ nhận chuyển nhượng đất thì anh không có phụ giúp về tiền bạc và không có đóng góp công sức gì, anh chỉ có phụ giúp một số công việc lặt vặt trong gia đình và anh không có yêu cầu gì đối với diện tích đất nói trên. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 7 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"....Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; Đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu*

của gia đình phù hợp với khả năng của mình". Xét, tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (năm 1995), chị Đặng Thị Phương L 18 tuổi, chị Đặng Thị Kiều Ng 16 tuổi, anh Đặng Ngọc T 13 tuổi và cùng chung sống với cha mẹ nên việc chị Đặng Thị Kiều Ng khai nhận chị cùng anh Đặng Ngọc T và chị Đặng Thị Kiều Ng, chị Đặng Thị Phương L cùng với cha mẹ khai phá, trồng trọt ... là nghĩa vụ của con tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đặng Thị Kiều Ng, anh Đặng Ngọc H, chị Đặng Thị Phương L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bản thân có đóng góp công sức vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản này để tạo thành tài sản chung của các thành viên gia đình. Ngoài ra, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Thu Th, chị Đặng Thị Thu Th1, anh Đặng Ngọc H và chị Đặng Thị Hồng H công nhận tài sản nói trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B, không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tại khoản 1, 2 Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp sau đây: 1. Do lao động, do hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, do hoạt động sáng tạo ra đối tượng quyền sở hữu trí tuệ. 2. Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác"*. Do đó, có đủ cơ sở xác định diện tích đất 1.005,3m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh1 (nay là thôn B, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước cùng tài sản gắn liền với đất là do ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện về tính công sức đóng góp:

Tại đơn khởi kiện ông Đặng Ngọc Ph yêu cầu tính công sức đóng góp của anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Thu Th, chị Đặng Thị Thu Th1, anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc H và chị Đặng Thị Hồng H đối với tài sản nói trên. Tại phiên tòa, ông Đặng Ngọc Ph xin rút yêu cầu khởi kiện về tính công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình. Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút".* Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đặng Ngọc Ph về yêu cầu tính công sức đóng góp; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về các vấn đề khác:

[5.1] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 11/01/2024 ghi nhận trên phần diện tích đất nói trên có 01 căn nhà tạm bằng vách tôl, mái tôl, chân tường bằng gạch có diện tích đất 35m^2. Theo lời khai của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B thì căn nhà này do anh Đặng Ngọc S có xây dựng vào năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đặng Ngọc Ph không có yêu cầu giải

quyết đối với căn nhà nói trên. Bên cạnh đó, anh Đặng Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, đối với căn nhà nói trên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Kiều Ng khai nhận diện tích đất nói trên là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B, anh Đặng Ngọc T, chị Đặng Thị Phương L và chị Đặng Thị Kiều Ng. Tuy nhiên, chị Đặng Thị Kiều Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức đóng góp cũng như yêu cầu chia cho chị một phần tài sản nói trên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5.3] Chị Đặng Thị Phương L (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[5.4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Ph tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và chi phí định giá nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5.5] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 244; Điều 246; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc Ph về việc "tranh chấp về tài sản – quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" đối với bị đơn anh Đặng Ngọc S và anh Đặng Ngọc H.

Công nhận diện tích đất 1.005,3m^2 (trong đó có 300m^2 ONT) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp 4, xã Ngh1 (nay là thôn B, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước (gồm các điểm 4,3,2,1) theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 12/01/2024 số 03004 của Công ty TMHH-MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) (đã được UBND huyện B cấp giấy CNQSDĐ số 1061 QSDĐ ký ngày 22/6/2004 đứng tên hộ ông Đặng Ngọc Ph) cùng tài sản trên đất là 02 cây mít, 02

cây bơ, 01 cây sầu riêng và 01 căn nhà tạm có diện tích 88m^2 là tài sản chung của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B, thuộc quyền quản lý, sử dụng, sở hữu của ông Đặng Ngọc Ph và bà Trần Thị B. *(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc Ph về yêu cầu tính công sức đóng góp của các thành viên trong gia đình. Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3/ Về các vấn đề khác:

- Ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, sang tên, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp sau khi trích, đo địa chính mà có sự biến động về vị trí, diện tích, tứ cận ông Đặng Ngọc Ph, bà Trần Thị B có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh.

- Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Ngọc Ph tự nguyện nộp *(đã nộp xong)*.

- Về án phí: Buộc bị đơn anh Đặng Ngọc S, anh Đặng Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Ph được chấp nhận là 300.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-7-2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND t.Bình Phước ;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh